

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2021/HNGĐ – ST**
Ngày: 28/12/2021
"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;

2/ Ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 392/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2021/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Nguyễn Như B, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Như B tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

cấp giấy đăng ký kết hôn số 01, ký ngày 10/01/2003. Vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Anh Nguyễn Như B không lo chí thú làm ăn lại ham mê cờ bạc, cá độ...nhiều lần anh Nguyễn Như B mang tài sản trong nhà đi cầm cố, bán đi trả nợ làm kinh tế vợ chồng khó khăn, tiền bạc hao hụt khiến vợ chồng sinh ra lục đục. Ngoài ra, anh Nguyễn Như B còn sử dụng trái phép chất ma túy gần 05 năm nay. Gia đình, người thân khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Như B không thay đổi. Lần gần đây nhất anh Nguyễn Như B đã bị Công an huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt hành chính do tàng trữ trái phép chất ma túy. Đến tháng 10 năm 2020 chị không thể chịu đựng được nữa nên chị đã về nhà ngoại sinh sống và ly thân cho đến nay. Nay vợ chồng đã hết tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Như B.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Như B có hai con chung tên là Nguyễn Như C sinh ngày 03/10/2003 và Nguyễn Thị Ngọc Q sinh ngày 31/8/2007.

Đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc Q, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết

Đối với cháu Nguyễn Như C đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Như B vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Như B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn của chị Trần Thị H. Anh xác nhận lời khai của chị Trần Thị H về mâu thuẫn gia đình, về thời gian sống ly thân. Anh thừa nhận bản thân có chơi bài, cờ bạc, anh đã những sa ngã khiến vợ chồng nảy sinh những va chạm, mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh đã biết cái sai của mình nên trong thời gian ly thân anh cũng nhiều lần nhờ bố mẹ, gia đình tác động cũng như bản thân nhiều lần tìm gặp chị Trần Thị H để mong muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng chị Trần Thị H không đồng ý. Anh biết chị Trần Thị H đã mất niềm tin vào anh nhưng chỉ có người vợ là người gần gũi, thấu hiểu anh nhất nên mong chị Trần Thị H cho anh một cơ hội để sửa chữa sai lầm của mình. Vì vậy, việc chị Trần Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn anh không đồng ý, mong Tòa án xem xét cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Trần Thị H về con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh tôn trọng ý kiến của cháu Nguyễn Thị Ngọc Q về việc lựa chọn sống với ai.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

Đối với cháu Nguyễn Như C đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Q sinh ngày 31/8/2007 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đối với cháu Nguyễn Như C đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Như B (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Như B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Như B đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 01, ký ngày 10/01/2003. Lời khai của chị Trần Thị H và anh Nguyễn Như B phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Như B là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H:

Xét mâu thuẫn của vợ chồng: Theo lời khai của chị Trần Thị H thì cuộc sống hôn nhân của chị và anh Nguyễn Như B không hạnh phúc. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Như B khai nhận anh đã nhìn nhận được sai lầm của mình, mong muốn chị Trần Thị H tha thứ và cho anh cơ hội để sửa sai và vợ chồng đoàn tụ với nhau. Chị Trần Thị H không đồng ý. Chị Trần Thị H cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng đã diễn ra trong một thời gian dài, gia đình và chị đã cho anh Nguyễn Như B nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh Nguyễn Như B không thể thay đổi được bản thân. Xét, anh Nguyễn Như B thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng diễn ra trong khoảng thời gian dài. Anh Nguyễn Như B cho rằng anh đã nhận thức được sai lầm của mình. Trong thời gian ly thân, anh cũng có nhiều cố gắng trong việc thay đổi bản thân, sửa chữa sai lầm của mình để cùng với chị Trần Thị H xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Tại phiên tòa, chị Trần Thị H cung cấp cho Hội đồng xét xử Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 71/QĐ-XPHC lập ngày 26/8/2021 của Cơ quan CSĐT – Công an huyện B, tỉnh Bình Phước chứa nội dung xử phạt anh Nguyễn Như B bằng hình thức phạt tiền do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính “Cất giữ trái phép chất ma túy”. Như vậy, lời khai của anh Nguyễn Như B không có thật.

Xét, mâu thuẫn của vợ chồng: Theo lời khai của chị Trần Thị H thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do anh Nguyễn Như B ham mê cờ bạc, sử dụng trái phép chất ma túy, không chí thú làm ăn phát triển kinh tế, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con. Lời khai của chị Trần Thị H

phù hợp với lời khai của người làm chứng và lời khai của anh Nguyễn Như B (bút lục số 31, 25, 24). Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Như vậy, anh Nguyễn Như B đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị H thừa nhận bản thân không còn niềm tin vào anh Nguyễn Như B về việc cùng xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Mặt khác, chị Trần Thị H không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh Nguyễn Như B, việc hòa giải đoàn tụ không còn ý nghĩa cho các bên nên mong muốn đoàn tụ của anh Nguyễn Như B không được chấp nhận. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Như B khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Như C sinh ngày 03/10/2003 và Nguyễn Thị Ngọc Q sinh ngày 31/8/2007. Lời khai của chị Trần Thị H và anh Nguyễn Như B phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Trần Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc Q. Xét, cháu Nguyễn Thị Ngọc Q là bé gái đang ở lứa tuổi dạy thì là độ tuổi có nhiều thay đổi về tâm sinh lý cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Theo tài liệu chị Trần Thị H cung cấp cho Tòa án cho thấy chị Trần Thị H là giáo viên dạy tại trường THCS Quang Tr, chị Trần Thị H có nơi ở, công việc và nguồn thu nhập ổn định, thời gian làm việc hợp lý thuận lợi cho việc chăm sóc con chung. Bên cạnh đó, cháu Nguyễn Thị Ngọc Q có nguyện vọng được chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc. Anh Nguyễn Như B tôn trọng ý kiến lựa chọn của con. Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Thị Ngọc Q theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Q cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Như B, chị Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Như C đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Như B, chị Trần Thị H đều khai nhận anh chị tự thỏa thuận tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Như B, chị Trần Thị H đều khai nhận anh chị không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Trần Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Như B.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2007 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Như B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Như C đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Như B, chị Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Như B, chị Trần Thị H tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Nguyễn Như B, chị Trần Thị H không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000086 ký ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/12/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh